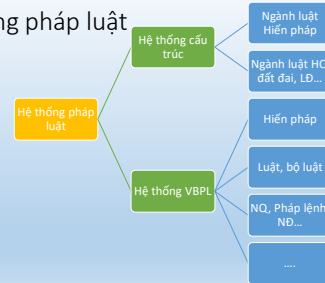


## NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT VỀ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

### Hệ thống pháp luật



### Văn bản Quy phạm pháp luật



### Quy phạm pháp luật

- Quy phạm pháp luật là quy tắc xử sự chung do nhà nước đặt ra hoặc thừa nhận và bảo đảm thực hiện để điều chỉnh quan hệ xã hội theo những định hướng và nhằm đạt được những mục đích nhất định.
- QPPL là khuôn mẫu cho hành vi của con người, nó chỉ dẫn cho con người cách xử sự (được làm gì, không được làm gì, hoặc phải làm gì, làm như thế nào) trong những hoàn cảnh, điều kiện nhất định.
- QPPL chỉ ra cách xử sự và xác định các phạm vi xử sự của con người, cũng như những hậu quả bất lợi gì nếu như không thực hiện đúng hoặc vi phạm chúng.

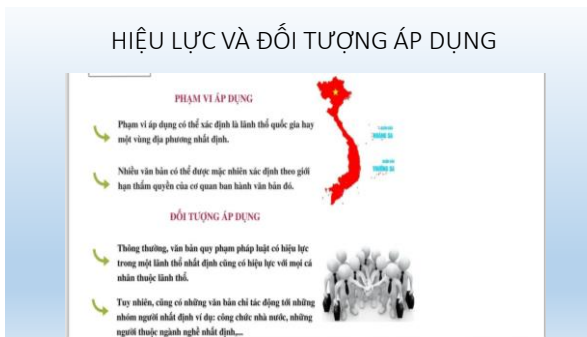
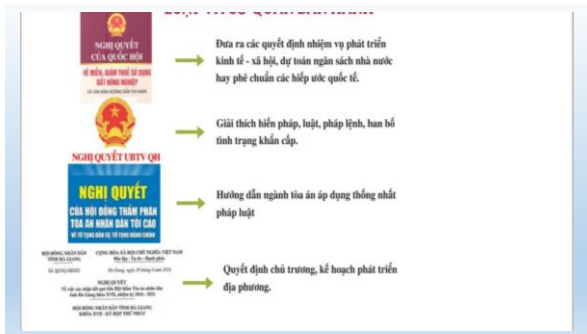
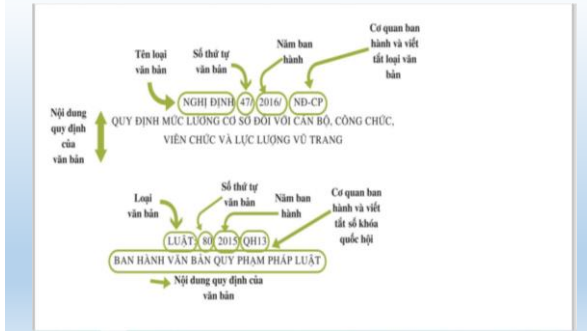
### Hệ thống văn bản pháp luật của Việt Nam



- Khoản 1 Điều 102 Bộ luật hình sự Việt Nam 1999 quy định: "Người nào thấy người khác đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng, tuy có điều kiện mà không cứu giúp dẫn đến hậu quả người đó chết, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm".

- Hiến pháp – Do Quốc hội ban hành, là văn bản pháp luật cao nhất.
- Luật hoặc Bộ luật – Do Quốc hội thông qua và Chủ tịch nước ký quyết định ban hành. Có thể kể một số Bộ luật như: Bộ luật dân sự, Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng dân sự, Bộ luật tố tụng hình sự, Bộ luật lao động, Bộ luật hàng hải.
- Nghị quyết của Quốc hội
- Văn bản dưới luật gồm
  - + Ủy ban thường vụ Quốc hội: Pháp lệnh, Nghị quyết
  - + Chủ tịch nước: Lệnh, Quyết định
  - + Chính phủ: Nghị định
  - + Thủ tướng Chính phủ: Quyết định

- + Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: Nghị quyết
- + Chánh án Tòa án nhân dân tối cao: Thông tư.
- + Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao: Thông tư.
- + Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ: Thông tư
- + Tổng Kiểm toán Nhà nước: Quyết định
- + Nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban thường vụ Quốc hội hoặc giữa Chính phủ với cơ quan trung ương của tổ chức chính trị – xã hội.
- + Thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; giữa các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.
- + Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Bao gồm: Hội đồng nhân dân: Nghị quyết; Ủy ban nhân dân: Quyết định.



1. Chủ tịch nước được ban hành lệnh, quyết định để quy định

- A. Trưng cầu ý dân
- B. Hàm, cấp trong lực lượng vũ trang nhân dân; hàm, cấp ngoại giao;
- C. Giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh
- D. Công bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc ở từng địa phương trong trường hợp UBTVQH không thể họp được

2. Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong luật, NQ của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của UBTVQH, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước là quy định tại văn bản nào?

- A. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
- B. Nghị định của Chính phủ
- C. Thông tư của Bộ trưởng
- D. Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành thông tư để quy định:

- A. Các biện pháp cụ thể để tổ chức thi hành Hiến pháp, luật, NQ của QH
- B. Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong luật, NQ của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của UBTVQH, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước.
- C. Hướng dẫn hoạt động của HĐND các cấp
- D. Tổng động viên hoặc động viên cục bộ, ban bố tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc ở từng địa phương

4. Chủ thể nào sau đây không ban hành Thông tư?

- A. Thủ tướng
- B. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ
- C. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao
- D. Viện trưởng VKSNDTC

5. Chủ thể nào có trách nhiệm chủ trì thẩm định đề nghị xây dựng nghị định?

- A. Văn phòng Chính phủ
- B. Ủy ban thường vụ Quốc hội
- C. Bộ tư pháp
- D. Ủy ban pháp luật của Quốc hội

6. Văn bản QPPL của các cơ quan ở trung ương

- A. Không cần phải đăng Công báo nước CHXHCN Việt Nam
- B. Có thể được đăng Công báo nước CHXHCN Việt Nam
- C. Không được đăng Công báo nước CHXHCN Việt Nam
- D. Phải được đăng Công báo nước CHXHCN Việt Nam

7. Chủ thể nào có thẩm quyền quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước?

- A. Quốc hội
- B. Ủy ban thường vụ Quốc hội
- C. Chủ tịch nước
- D. Chính phủ

8. Giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh là thẩm quyền của chủ thể nào?

- A. Chủ tịch nước
- B. Ủy ban thường vụ Quốc hội
- C. Ủy ban Pháp luật của Quốc hội
- D. Bộ Tư pháp

9. Lệnh là văn bản QPPL do chủ thể nào ban hành?

- A. Chủ tịch Quốc hội
- B. Chủ tịch nước
- C. Thủ tướng Chính phủ
- D. Ủy ban thường vụ Quốc Hội

10. Điều nào không phải là nguyên tắc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật?

- A. Tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
- B. Bảo đảm tính minh bạch trong quy định của văn bản quy phạm pháp luật.
- C. Bảo đảm tính linh hoạt, phù hợp với bối cảnh trong nước và quốc tế.
- D. Bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, không làm cản trở việc thực hiện các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

11. Chủ thể nào có trách nhiệm gửi báo cáo đánh giá về tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh với hệ thống pháp luật đến cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội lập đề nghị?

- A. Ủy ban thường vụ QH
- B. Ủy ban pháp luật của QH
- C. Bộ Tư pháp
- D. Cục kiểm tra VB QPPL

12. Chậm nhất là bao nhiêu ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Quốc hội, hồ sơ dự án, dự thảo trình Quốc hội phải được gửi đến các đại biểu Quốc hội?

- A. 10 ngày
- B. 15 ngày
- C. 20 ngày
- D. 30 ngày

13. Chủ thể nào ký pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội?

- A. Chủ tịch nước
- B. Phó Chủ tịch nước
- C. Chủ tịch Quốc hội
- D. Tổng Thư kí Quốc hội

14. Chủ thể công bố Luật, pháp lệnh, nghị quyết là:

- A. Chủ tịch nước
- B. Chủ tịch Quốc hội
- C. Tổng thư kí Quốc hội
- D. Bộ trưởng Bộ Tư pháp

15. Thời hạn công bố luật, pháp lệnh, nghị quyết là:

- A. Chủ tịch nước công bố luật, pháp lệnh chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày luật, pháp lệnh được thông qua.
- B. Chủ tịch nước công bố luật, pháp lệnh chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày luật, pháp lệnh được thông qua.
- C. Chủ tịch nước công bố luật, pháp lệnh chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày luật, pháp lệnh được thông qua.
- D. Chủ tịch nước công bố luật, pháp lệnh chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày luật, pháp lệnh được thông qua.

16. Chủ thể nào theo dõi, đôn đốc việc ban hành văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước?

- A. Ủy ban Pháp luật của Quốc hội
- B. Ủy ban Tư pháp của Quốc hội
- C. Văn phòng Quốc hội
- D. Bộ tư pháp

- 17: Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định dự thảo Quyết định của UBND cấp huyện được thông qua khi?
- A. Có quá nửa tổng số thành viên UBND cấp huyện biểu quyết tán thành
- B. Có 1/2 tổng số thành viên UBND cấp huyện biểu quyết tán thành
- C. Có ít nhất 2/3 tổng số thành viên UBND cấp huyện có mặt biểu quyết tán thành
- D. Có ít nhất 3/4 tổng số thành viên UBND cấp huyện có mặt biểu quyết tán thành

18. Điều nào không phải là nội dung mà Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định để quy định

- A. Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước
- B. Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;
- C. Biện pháp thi hành Hiến pháp, luật, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp về phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương;
- D. Biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương.